

Số: /QĐ-UBND Sơn La, ngày tháng năm

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Ban hành Kế hoạch chuyển đổi số tỉnh Sơn La năm 2026**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;*

*Căn cứ Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo ngày 27/6/2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;*

*Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, cập nhật Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;*

*Căn cứ Kế hoạch hành động số 333-KH/TU ngày 07/5/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;*

*Căn cứ Kế hoạch số 80/KH-UBND ngày 31/3/2026 của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 và Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, cập nhật Nghị quyết số 71/NQ-CP sửa đổi, bổ sung, cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 116/TTr-SKHCHN ngày 20/4/2026.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch Chuyển đổi số tỉnh Sơn La năm 2026.

**Điều 2.** Thủ trưởng các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị liên quan; Chủ tịch UBND các xã, phường có trách nhiệm chỉ đạo xây dựng kế hoạch để cụ thể hóa các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao và lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện đảm bảo hiệu quả; định kỳ hàng tháng, quý, năm báo cáo kết quả về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh và Ban Chỉ đạo của UBND tỉnh về phát

triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 33/QĐ-UBND ngày 06/01/2026 của UBND tỉnh. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị liên quan; Chủ tịch UBND các xã, phường và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX, Đức Anh.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Hà Trung Chiến**

## KẾ HOẠCH

### Chuyển đổi số tỉnh Sơn La năm 2026

(Ban hành kèm theo Quyết định của UBND tỉnh Sơn La)

#### I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

1- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

2- Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung, cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

3- Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, cập nhật Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW;

4- Chương trình số 02-CTr/BCĐTW ngày 02/02/2026 về công tác năm 2026 Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số;

5- Kế hoạch 04-KH/BCĐTW ngày 05/01/2026 của Ban Chỉ đạo Trung ương về bảo đảm an ninh mạng, bảo mật thông tin và an ninh dữ liệu trong hệ thống chính trị;

6- Quyết định số 11/QĐ-BCĐCP ngày 27/02/2026 ban hành Kế hoạch hoạt động năm 2026 của Ban Chỉ đạo của Chính phủ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06;

7- Thông báo số 17-TB/CQTTCB ngày 29/12/2025 của cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương Kết luận Hội nghị tổng kết công tác năm 2025 và nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm năm 2026 của Ban Chỉ đạo Trung ương;

8- Kế hoạch hành động số 333-KH/TU ngày 07/5/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

9- Kế hoạch số 04-KH/BCĐ ngày 13/02/2026 của Ban Chỉ đạo 2009 triển khai thực hiện nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Sơn La năm 2026;

10- Kế hoạch số 80/KH-UBND ngày 31/3/2026 của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 và Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, cập nhật Nghị quyết số 71/NQ-CP sửa đổi, bổ sung, cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

11- Công văn số 5511/BKHCN-CĐSQG ngày 10/10/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương xây dựng Kế hoạch Chuyển đổi số năm 2026.

## **II. MỤC TIÊU**

### **1. Mục tiêu chung**

- Lấy người dân, doanh nghiệp là trung tâm, là chủ thể và là mục tiêu của chuyển đổi số, người dân, doanh nghiệp được thụ hưởng những thành quả do chuyển đổi số mang lại theo tinh thần “không để ai bị bỏ lại phía sau”.

- Thực hiện hiệu quả các Nghị quyết, Kế hoạch, Kết luận của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về chuyển đổi số, các phiên họp toàn thể, chuyên đề của Ban Chỉ đạo của Chính phủ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06.

### **2. Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể** (*chi tiết tại Phụ lục I kèm theo*)

## **III. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM**

### **1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; kiểm tra, giám sát hoạt động chuyển đổi số**

- Xây dựng và triển khai kế hoạch công tác năm 2026 của Ban Chỉ đạo của UBND tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 (Ban Chỉ đạo 1287). Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Chủ tịch UBND các xã, phường có trách nhiệm chỉ đạo bổ sung, hoàn thiện và triển khai hiệu quả Kế hoạch Chuyển đổi số năm 2026 của cơ quan, đơn vị, địa phương mình gắn với các mục tiêu, chỉ tiêu nhiệm vụ Chuyển đổi số của tỉnh.

- Thực hiện kiểm tra, giám sát đối với việc triển khai thực hiện các chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ chuyển đổi số của đơn vị, bộ phận trực thuộc; việc thực hiện quy định pháp luật trong thực hiện các chương trình, đề án, dự án chuyển đổi số.

### **2. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số**

- Các cấp, các ngành, các doanh nghiệp thường xuyên tuyên truyền cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, người dân về chủ trương của Đảng, Nhà nước, của cấp ủy, chính quyền địa phương, đơn vị về chuyển đổi số.

- Xây dựng, phát hành các sản phẩm tuyên truyền, truyền thông về chuyển đổi số ngành, lĩnh vực, địa phương; xây dựng phóng sự phát thanh, truyền hình tuyên truyền về thực hiện chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh; thông qua các hội nghị,

hội thảo, hội thi, hoạt động hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2026; thông qua việc chia sẻ các sáng kiến, cách làm hay, mô hình điển hình hiệu quả về chuyển đổi số của cơ quan Nhà nước, của doanh nghiệp, của người dân; thông qua việc tuyên truyền, hướng dẫn của Tổ công nghệ số cộng đồng. Triển khai hiệu quả phong trào thi đua đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số giai đoạn 2025-2030.

### **3. Thể chế, chính sách số**

- Xây dựng các văn bản tổ chức thực hiện và hướng dẫn thi hành cụ thể hóa các văn bản của Đảng, Chính phủ, các bộ, ngành Trung ương về chuyển đổi số.

- Nghiên cứu, đề xuất cơ chế, chính sách hỗ trợ hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng; cơ chế, chính sách giảm phí, lệ phí cho người dân sử dụng thủ tục hành chính trực tuyến.

### **4. Đẩy mạnh phát triển hạ tầng số**

Ưu tiên đầu tư, xây dựng, phát triển hạ tầng số đi trước một bước để thúc đẩy chuyển đổi số của tỉnh, phục vụ chính quyền số, kinh tế số, xã hội số theo Quyết định số 1959/QĐ-UBND ngày 05/8/2025 của UBND tỉnh về ban hành kế hoạch phát triển hạ tầng số trên địa bàn tỉnh Sơn La thời kỳ 2025-2030, trong đó tập trung:

- Đôn đốc, phối hợp với các doanh nghiệp viễn thông đẩy mạnh phát triển hạ tầng băng rộng di động, từng bước nâng cao chất lượng dịch vụ băng rộng di động.

- Tập trung xây dựng Trung tâm dữ liệu tỉnh Sơn La, bao gồm: (1) xây dựng, phát triển kho dữ liệu dùng chung, kết nối, liên thông dữ liệu với tất cả các cơ sở dữ liệu các ngành, lĩnh vực; (2) Nâng cấp Trung tâm điều hành thông minh (IOC), tích hợp AI, xây dựng, phát triển các kịch bản điều hành của UBND tỉnh và các sở, ban, ngành dựa trên dữ liệu; (3) Nâng cấp, phát triển Cổng dữ liệu mở để cung cấp kịp thời, thống nhất các thông tin, dữ liệu cho người dân, doanh nghiệp; (4) Tích hợp các hệ thống giám sát hiện trường, camera giám sát an ninh và các hệ thống thông tin khác để phục vụ công tác quản lý, giám sát, điều hành đô thị thông minh.

- Đầu tư nâng cấp hạ tầng, trang thiết bị CNTT như: Mạng nội bộ, máy tính cá nhân, máy scan, photo, mạng LAN,... cho các cơ quan, đơn vị để đáp ứng yêu cầu công việc trên môi trường mạng. Đặc biệt là nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật CNTT tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả các cấp, đáp ứng triển khai DVCTT toàn trình, số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC.

- Ứng dụng giải pháp công nghệ (IoT, AI, GIS...) trong giám sát môi trường, quản lý tài nguyên, cảnh báo thiên tai. Thúc đẩy nông nghiệp thông minh, tiết kiệm năng lượng, sử dụng năng lượng tái tạo, hướng đến phát triển xanh, bền vững.

- Triển khai tích hợp các cảm biến IoT vào các cơ sở hạ tầng truyền thống như: giao thông vận tải, năng lượng, y tế, giáo dục, trong quy hoạch và xây dựng cơ sở hạ tầng công cộng.

## 5. Xây dựng chính quyền số

- Nâng cấp các hệ thống thông tin dùng chung đảm bảo nhanh hơn, mạnh hơn, phục vụ kịp thời cho hoạt động của hệ thống chính trị trên môi trường mạng, bao gồm: (1) Hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến 2 cấp từ tỉnh đến xã; (2) Duy trì Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Sơn La; (3) Hệ thống Cổng thông tin điện tử; (4) Cổng dữ liệu mở tỉnh; (5) Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành; (6) Hệ thống thông tin báo cáo kinh tế xã hội; (7) Hệ thống thông tin phục vụ họp-eCabinet.

- Phát triển Trung tâm điều hành thông minh (IOC) của tỉnh. Đẩy mạnh ứng dụng AI phục vụ hoạt động của hệ thống chính trị.

- Đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến, phấn đấu trên 70% hồ sơ thủ tục hành chính giải quyết trực tuyến toàn trình. Tập trung thực hiện tái cấu trúc quy trình, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trên cơ sở số hóa, tái sử dụng dữ liệu, liên thông điện tử và thanh toán trực tuyến.

- Triển khai các Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu (CSDL) chuyên ngành, phân đầu mỗi ngành lựa chọn ưu tiên xây dựng từ 01 đến 02 hệ thống thông tin, dữ liệu cần thiết nhất để ưu tiên bố trí nguồn lực triển khai thực hiện. Triển khai chuẩn hóa dữ liệu bản đồ và xây dựng, vận hành hệ thống quản lý, chia sẻ bản đồ số tỉnh Sơn La; xây dựng CSDL đất đai, khoa học công nghệ, giao thông, xây dựng, tư pháp, công thương, tài chính, văn hóa, thể thao, du lịch, công chức, viên chức...

## 6. Phát triển kinh tế số

Thúc đẩy phát triển kinh tế số, bao gồm: (i) Kinh tế số trong các ngành, lĩnh vực; (ii) Kinh tế số công nghiệp CNTT và dịch vụ viễn thông; (iii) Kinh tế của các nền tảng số, các hệ thống trực tuyến kết nối giữa cung và cầu và các dịch vụ trực tuyến trên mạng. Trong đó, tập trung vào các hoạt động:

- Triển khai các nhiệm vụ hỗ trợ hợp tác xã, nông dân ứng dụng công nghệ số, chuyển đổi số trong hoạt động sản xuất, tham gia sàn thương mại điện tử.

- Triển khai Hệ thống truy xuất nguồn gốc, quản lý chất lượng một số sản phẩm, hàng hóa nông nghiệp chủ lực của tỉnh.

- Xây dựng Nền tảng số Du lịch thông minh. Xây dựng bảo tàng số ứng dụng công nghệ AI để khai thác, phát huy giá trị hiện vật.

- Thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt, hóa đơn điện tử, nộp thuế điện tử...

## 7. Từng bước xây dựng, hình thành xã hội số

Hình thành xã hội số với các đặc trưng cơ bản gồm: (i) **Công dân số** (danh tính số, phương tiện số, kỹ năng số và tài khoản số); (ii) **Kết nối số** (tỷ lệ dân số được phủ mạng cáp quang, mạng di động băng rộng và tỷ lệ người dùng Internet). (iii) **Văn hóa số** (mức độ sử dụng dịch vụ số trên mạng, mức độ sử dụng các dịch vụ y tế số, giáo dục số của người dân). Trong đó, tập trung vào các hoạt động cụ thể như:

- Triển khai ứng dụng học bạ số trong các trường phổ thông và Trung tâm GDTX (Tiểu học, THCS, THPT, GDTX).

- Mua sắm trang bị cho phòng học thông minh (năm 2026 tập trung triển khai tại các trường cấp THPT, xây dựng dữ liệu các bài giảng điện tử).

- Triển khai hồ sơ Bệnh án điện tử trên địa bàn tỉnh Sơn La.

- Tiếp tục triển khai Sổ sức khỏe điện tử phục vụ tích hợp thẻ BHYT trên ứng dụng VNeID cho toàn bộ công dân có tài khoản định danh điện tử mức 2, có tham gia BHYT khi tham gia khám chữa bệnh tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập và ngoài công lập đủ điều kiện trên địa bàn tỉnh.

- Triển khai phòng khám trực tuyến, kết nối liên thông một số bệnh viện tuyến tỉnh với bệnh viện tuyến Trung ương.

- Tiếp tục triển khai mô hình bệnh viện thông minh tại Bệnh viện đa khoa tỉnh theo Đề án đã được phê duyệt.

- Đẩy mạnh triển khai cung cấp dịch vụ chữ ký số cho cá nhân, tổ chức để thúc đẩy người dân, doanh nghiệp thực hiện các thủ tục hành chính trên môi trường mạng, tiến tới sử dụng trong cả các giao dịch điện tử khác như tài chính, thương mại điện tử

## **8. An toàn thông tin mạng**

Triển khai các giải pháp đảm bảo an toàn thông tin mạng cho các hạ tầng thông tin, cơ sở dữ liệu do các sở, ngành quản lý, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính phục vụ người dân và doanh nghiệp.

## **9. Phát triển nhân lực số**

- Triển khai các giải pháp phát triển nguồn nhân lực số tỉnh Sơn La.

- Triển khai tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng về chuyển đổi số cho đội ngũ cán bộ quản lý, chuyên trách và trực tiếp triển khai chuyển đổi số trong các cơ quan Nhà nước, phổ cập kỹ năng số cho người dân và doanh nghiệp.

## **10. Hợp tác, liên kết vùng, quốc tế**

- Tổ chức hội nghị, hội thảo kết nối về chuyển đổi số. Mời chuyên gia có kinh nghiệm thực tế về chuyển đổi số tham gia chia sẻ, trao đổi.

- Tham gia diễn đàn, hội thảo, hợp tác, học tập kinh nghiệm chuyển đổi số với các địa phương. Tham gia các diễn đàn, học tập kinh nghiệm của các tổ chức quốc tế về chuyển đổi số.

*(chi tiết nhiệm vụ tại Phụ lục II kèm theo)*

## **IV. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

### **1. Phát huy, nâng cao năng lực lãnh đạo, điều hành chuyển đổi số**

Rà soát, kiện toàn Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06; ban hành chương trình, kế hoạch hoạt động, kiểm tra, đánh giá chỉ đạo của Ban Chỉ đạo.

### **2. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức, bồi dưỡng kỹ năng số cho cán bộ công chức, người dân, doanh nghiệp**

- Ứng dụng các kênh truyền thông đa dạng để nâng cao nhận thức, hình thành văn hóa số cho người dân, tạo điều kiện tiếp cận các dịch vụ chính quyền số; đưa nội dung đào tạo kỹ năng số vào chương trình giảng dạy từ cấp tiểu học. Đẩy mạnh truyền thông “Chuyển đổi số quốc gia”, “Chuyển đổi số tỉnh Sơn La” trên Cổng, Trang thông tin điện tử, trang mạng xã hội, qua đó thường xuyên chỉ đạo các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường tuyên truyền, hướng dẫn đến từng cán bộ, công chức, viên chức, các cơ quan, đơn vị trực thuộc tham gia vào kênh truyền thông chuyển đổi số quốc gia để được cập nhật kịp thời thông tin mới nhất về chuyển đổi số phục vụ công tác và đời sống.

- Tổ chức các hội nghị, hội thảo, các sự kiện về phát triển kinh tế số, xã hội số và kết quả thực hiện các nội dung của Kế hoạch; lồng ghép nội dung về kinh tế số, xã hội số trong các sự kiện, triển lãm về phát triển kinh tế - xã hội.

- Triển khai các nền tảng đào tạo kỹ năng số cho người dân; phát động và triển khai có hiệu quả phong trào “Bình dân học vụ số” trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng, ứng dụng các nền tảng, kênh tương tác trực tuyến giữa cơ quan Nhà nước và người dân, doanh nghiệp; phổ cập điện thoại thông minh đến mọi người dân...

### **3. Phát triển, thu hút nguồn nhân lực chuyển đổi số**

- Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các xã, phường trực tiếp chỉ đạo và chịu trách nhiệm về kết quả triển khai Chuyển đổi số tại cơ quan, đơn vị, địa phương mình. Quan tâm bố trí cán bộ phụ trách chuyển đổi số của cơ quan, địa phương, thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, kiến thức, kỹ năng cho cán bộ làm công tác chuyển đổi số. Triển khai các biện pháp thu hút nhân lực; bồi dưỡng, phát triển nhân lực tại chỗ bằng các chính sách đãi ngộ trong tuyển dụng, chuyển ngạch, nâng ngạch, ...

- Kiện toàn, hỗ trợ hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng, thành lập tổ ứng cứu công nghệ và nghiệp vụ tại 100% xã, phường. Huy động các tổ chức đoàn thể, đoàn thanh niên, các lực lượng vũ trang, giáo viên, doanh nghiệp công nghệ số trên địa bàn tham gia hỗ trợ nhân dân trong việc tiếp cận nâng cao chuyển đổi số.

- Hợp tác với các cơ quan, tổ chức liên quan, doanh nghiệp công nghệ để thu hút chuyên gia, nguồn lực, tìm hiểu giải pháp, công nghệ phục vụ chuyển đổi số.

#### **4. Đảm bảo nguồn lực tài chính**

- Ưu tiên sử dụng nguồn vốn ngân sách Nhà nước và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác nhằm đa dạng hóa nguồn lực để phát triển chính quyền số; tăng cường thực hiện giải pháp thuê dịch vụ công nghệ thông tin.

- Đẩy mạnh xúc tiến đầu tư, thu hút đầu tư từ các doanh nghiệp để phát triển cơ sở hạ tầng số. Ưu tiên bố trí vốn đầu tư công để thực hiện các dự án phát triển hạ tầng, trung tâm dữ liệu, cơ sở dữ liệu, nền tảng, các ứng dụng, dịch vụ của tỉnh.

- Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư cho ứng dụng CNTT để nâng cao năng lực cạnh tranh, đổi mới phương thức quản lý, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm.

- Huy động các nguồn tài chính, lồng ghép các chương trình, dự án, đẩy mạnh xã hội hóa để thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số (Vốn chương trình mục tiêu quốc gia; Nguồn vốn đầu tư công; Nguồn vốn sự nghiệp; Vốn của các doanh nghiệp).

- Huy động nguồn lực của các Tập đoàn viễn thông trên địa bàn để đẩy mạnh phát triển hạ tầng số. Huy động nguồn lực của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân và các nguồn kinh phí hợp pháp khác thông qua các chính sách khuyến khích, thu hút doanh nghiệp công nghệ số đầu tư phát triển chuyển đổi số để thực hiện Kế hoạch của doanh nghiệp.

#### **5. Tăng cường hợp tác với các doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức nghiên cứu trong nước và quốc tế**

Triển khai các hoạt động hợp tác với các doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức nghiên cứu trong nước và quốc tế về chuyển đổi số và bảo đảm an toàn thông tin mạng (thăm quan, học tập, chia sẻ kinh nghiệm; tham gia các tổ chức quốc tế, các sáng kiến quốc tế...).

### **V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **1. Sở Khoa học và Công nghệ**

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường và các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Kế hoạch.

- Tham mưu UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo của UBND tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 thống nhất chỉ đạo triển khai các chương trình, dự án về chuyển đổi số trong các cơ quan hành chính Nhà nước để tránh chồng chéo, lãng phí.

- Chủ trì, tham mưu Ban Chỉ đạo của UBND tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 xây dựng Kế hoạch thực hiện kiểm tra, giám sát tình hình triển khai thực hiện các nhiệm vụ về chuyển đổi số tại một số cơ quan, đơn vị. Theo dõi, kiểm tra, giám sát tiến độ thực hiện Kế hoạch chuyển đổi số hàng năm của các sở, ban, ngành, xã, phường, báo cáo UBND tỉnh để có biện pháp xử lý kịp thời.

- Phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai các ứng dụng, phần mềm, nền tảng dùng chung đến các cấp, các ngành trên địa bàn tỉnh, đánh giá hiệu quả sử dụng để nhân rộng.

## **2. Sở Tài chính**

Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các đơn vị có liên quan tham mưu UBND tỉnh cân đối, bố trí, lồng ghép các nguồn kinh phí đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ Kế hoạch chuyển đổi số năm 2026 của tỉnh.

## **3. Sở Nội vụ**

Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường tham mưu, hoàn thiện Đề án vị trí việc làm cho các đơn vị sau khi có đề xuất của các cơ quan, đơn vị liên quan và theo chỉ đạo, hướng dẫn của các bộ, ngành có thẩm quyền; đăng ký chỉ tiêu, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức quản lý, chuyên trách về CNTT, chuyển đổi số trình UBND tỉnh phê duyệt (nếu có).

## **4. Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường**

- Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương, điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch chuyển đổi số năm 2026 của đơn vị, địa phương mình đảm bảo phù hợp với Kế hoạch Chuyển đổi số của tỉnh, hoàn thành **trước ngày 10/5/2026**, gửi Sở Khoa học và Công nghệ để theo dõi. Chỉ đạo triển khai, hoàn thành các mục tiêu Kế hoạch thuộc cơ quan, đơn vị, lĩnh vực quản lý.

- Phối hợp triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo của UBND tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06; thực hiện tự kiểm tra, theo dõi tình hình triển khai các nhiệm vụ về chuyển đổi số tại các phòng ban, đơn vị trực thuộc.

- Tiếp tục kiện toàn, sắp xếp vị trí việc làm, phân công cán bộ lãnh đạo, chuyên viên có năng lực tham mưu, kiến thức chuyên môn làm đầu mối phụ trách lĩnh vực khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, an toàn thông tin mạng đáp ứng yêu cầu về chất lượng tham mưu, tổ chức thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số cho ngành, lĩnh vực, cơ quan, đơn vị.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng CNTT; chủ động triển khai các giải pháp tạo lập, số hóa, chuyển đổi, tích hợp các cơ sở dữ liệu của cơ quan, đơn vị vào hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh; chỉ đạo triển khai các biện pháp bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng trong cơ quan, đơn vị; tích hợp, chia sẻ thông tin giữa các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu theo ngành dọc từ Trung ương tới các cấp trong tỉnh Sơn La.

- Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo đối với nhiệm vụ ứng dụng CNTT, thực hiện chuyển đổi số một cách thiết thực, hiệu quả. Lấy kết quả lãnh đạo, chỉ đạo ứng dụng CNTT, thực hiện chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, kinh tế số và xã hội số là một tiêu chí đánh giá trách nhiệm và bình xét thi đua, khen thưởng đối với người đứng đầu các cơ quan, địa phương, đơn vị.

- Khi đầu tư dự án, nhiệm vụ về chuyển đổi số phải đảm bảo hiệu quả, đảm bảo tính thống nhất và đồng bộ, tránh chồng chéo. Đối với các ứng dụng chuyên ngành, triệt để sử dụng các nền tảng, phần mềm do Bộ, ngành Trung ương đầu tư triển khai theo ngành dọc, đảm bảo đồng bộ, tích hợp, liên thông từ cấp Tỉnh đến Trung ương.

### **5. Báo và Phát thanh, Truyền hình Sơn La; Trung tâm thông tin, Văn phòng UBND tỉnh**

Tăng cường công tác thông tin tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức và kiến thức về chuyển đổi số; tăng cường thời lượng tuyên truyền, phổ biến các hoạt động chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.

### **6. Chế độ thông tin, báo cáo**

Định kỳ tháng, quý, 6 tháng, năm (trước ngày 11 hằng tháng) hoặc đột xuất (khi có yêu cầu), các cơ quan, đơn vị, địa phương báo cáo tình hình triển khai thực hiện gửi Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo của UBND tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06.

Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường; các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Khoa học và Công nghệ) để xem xét, chỉ đạo giải quyết./.

**Phụ lục I**  
**CHỈ TIÊU CHUYỂN ĐỔI SỐ NĂM 2026**

STT	Các mục tiêu/chỉ tiêu	Kết quả năm 2025	Chỉ tiêu năm 2026	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
<b>I</b>	<b>PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG SỐ</b>				
1	Tỷ lệ dân số được phủ sóng 5G	-	70%	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn
2	Tỷ lệ người sử dụng có khả năng truy cập băng rộng cố định với tốc độ trên 01 Gbps/s	58,65% <i>(dự kiến đến 31/12/2025 đạt 60%)</i>	72%	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn
<b>II</b>	<b>PHÁT TRIỂN NGUỒN LỰC</b>				
1	Tỷ lệ chi cho chuyển đổi số trong tổng chi ngân sách địa phương	1,02%	Đảm bảo bố trí ít nhất 1%	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã
2	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức được đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số	-	100%	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Sở Khoa học và Công nghệ
3	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức đảm nhiệm vị trí việc làm chuyên trách về quản lý công nghệ thông tin hoặc công nghệ thông tin, chuyển đổi số của tỉnh được đào tạo, bồi dưỡng về quản trị dữ liệu	-	≥ 50%	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Sở Khoa học và Công nghệ

STT	Các mục tiêu/chỉ tiêu	Kết quả năm 2025	Chỉ tiêu năm 2026	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
4	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức cấp xã có trang thiết bị đáp ứng yêu cầu công việc và có chữ ký số cá nhân để giải quyết công việc trên môi trường điện tử	-	100%	UBND cấp xã	Sở Khoa học và Công nghệ
5	Tỷ lệ công chức phụ trách công tác chuyển đổi số cấp tỉnh, cấp xã được bồi dưỡng chuyên sâu	100%	100%	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã
6	Tỷ lệ doanh nghiệp, hợp tác xã được tập huấn kỹ năng số cơ bản	30%	60%	UBND cấp xã	Các sở, ban, ngành
7	Tỷ lệ học sinh từ bậc THPT, sinh viên được tập huấn kỹ năng số cơ bản từ bậc THPT	100%	100%	Sở Giáo dục và Đào tạo	Đơn vị có liên quan
7	Tỷ lệ thành viên Tổ công nghệ số cộng đồng được tập huấn kỹ năng số cơ bản; 100% lực lượng nòng cốt của Tổ công nghệ số cộng đồng được bồi dưỡng ít nhất 01 khóa kỹ năng số trong năm	100%	100%	UBND cấp xã	Sở Khoa học và Công nghệ
8	Tỷ lệ dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông				
8.1	<i>Tỷ lệ dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế</i>	21,78%	80%	<i>Sở Y tế</i>	<i>UBND cấp xã</i>
8.2	<i>Tỷ lệ dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong giáo dục</i>	-	80%	<i>Sở Giáo dục và Đào tạo</i>	<i>UBND cấp xã</i>
8.3	<i>Tỷ lệ dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong bảo hiểm</i>	82%	80%	<i>Bảo hiểm xã hội tỉnh</i>	<i>UBND cấp xã</i>
8.4	<i>Tỷ lệ dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong giao thông</i>	-	80%	<i>Sở Xây dựng</i>	<i>UBND cấp xã</i>

STT	Các mục tiêu/chỉ tiêu	Kết quả năm 2025	Chỉ tiêu năm 2026	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
<b>III</b>	<b>PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN SỐ, KINH TẾ SỐ, XÃ HỘI SỐ</b>				
1	Tỷ lệ thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết phi địa giới hành chính giữa trung ương và địa phương, giữa các cấp chính quyền	≥ 70%	≥ 70%	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh
2	Tỷ lệ thủ tục hành chính liên quan đến đào tạo, nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh phải được thực hiện trực tuyến	100%	100%	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh
3	Tỷ lệ giao dịch hành chính thuộc diện “phi tiếp xúc”	51,43%	≥ 70%	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	
4	Tỷ lệ hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa	95,21%	≥ 95%	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh
5	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình phải xử lý trực tuyến, ký số chuyên dùng kết quả và trả kết quả trực tuyến hoặc qua bưu chính công ích	-	100%	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh
6	Tỷ lệ thủ tục hành chính cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số TTHC đủ điều kiện	90,46%	≥ 80%	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh
7	Tỷ lệ thủ tục hành chính cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính được quy định chi tiết trong văn bản quy phạm pháp luật của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh	-	≥ 80%	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh

STT	Các mục tiêu/chỉ tiêu	Kết quả năm 2025	Chỉ tiêu năm 2026	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
8	Thông tin, giấy tờ, tài liệu trong các TTHC liên quan sản xuất, kinh doanh chỉ phải cung cấp một lần cho cơ quan nhà nước	-	$\geq 80\%$	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh
9	Tỷ lệ thủ tục hành chính được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh	100%	100%	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh
10	Tỷ lệ thủ tục hành chính đủ điều kiện liên quan đến doanh nghiệp được cung cấp dịch vụ công trực tuyến	-	100%	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh
11	Tỷ lệ người dân, doanh nghiệp đánh giá ở mức độ hài lòng trở lên khi thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến	-	$\geq 95\%$	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh
12	Tỷ lệ hệ thống thông tin của tỉnh được vận hành trên nền tảng điện toán đám mây	66,67%	$\geq 70\%$	Các sở, ban, ngành	Sở Khoa học và Công nghệ
13	Tỷ lệ cơ sở dữ liệu của tỉnh được số hóa và liên thông tới Trung ương	-	$\geq 50\%$	Các sở, ban, ngành	Sở Khoa học và Công nghệ
14	Tỷ lệ cơ sở dữ liệu dùng chung của các sở, ban, ngành được tích hợp, kết nối, chia sẻ với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP) của tỉnh	24%	$\geq 35\%$	Các sở, ban, ngành	Sở Khoa học và Công nghệ
15	Tỷ lệ chính quyền xã, phường sử dụng phần mềm quản trị điều hành thống nhất	$\geq 60\%$	100%	UBND cấp xã	Sở Khoa học và Công nghệ
16	Tỷ lệ lãnh đạo, cán bộ, công chức cấp tỉnh, cấp xã phải xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng và sử dụng chữ ký số để giải quyết công việc	$\geq 94\%$	100%	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Sở Nội vụ, Sở Khoa học và Công nghệ

STT	Các mục tiêu/chỉ tiêu	Kết quả năm 2025	Chỉ tiêu năm 2026	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
17	Tỷ lệ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê phục vụ sự lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của cấp ủy, chính quyền các cấp được kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu số trên hệ thống dùng chung	100%	100%	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh
18	Tỷ lệ hồ sơ công việc tại cơ quan hành chính nhà nước được xử lý trên môi trường điện tử	-	100%	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	
19	Tỷ lệ văn bản, hồ sơ công việc tại cơ quan hành chính nhà nước được xử lý toàn trình trên môi trường điện tử	-	≥ 70%	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	
20	Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa tại địa phương ứng dụng công nghệ số	≥ 30%	≥ 30%	Các doanh nghiệp nhỏ và vừa	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính, Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh, UBND cấp xã
21	Tỷ lệ người dân có tài khoản định danh điện tử (VNeID)	51,35%	65%	Công an tỉnh	UBND cấp xã
22	Tỷ lệ người dân có chữ ký số	3,36%	4%	Sở Khoa học và Công nghệ	UBND cấp xã
23	Quy mô kinh tế số trong GRDP	8%	9%	Các sở, ban, ngành	Sở Tài chính

**Phụ lục II**  
**DANH MỤC NHIỆM VỤ CHUYỂN ĐỔI SỐ NĂM 2026**

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành
<b>I</b>	<b>CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH; KIỂM TRA, GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CHUYỂN ĐỔI SỐ</b>				
1	Xây dựng và triển khai, báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch công tác năm 2026 của Ban Chỉ đạo của UBND tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 (Ban Chỉ đạo 1287)	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	- Kế hoạch công tác năm 2026 - Báo cáo định kỳ và đột xuất	- Kế hoạch: Tháng 01/2026 - Báo cáo: Quý, 6 tháng, năm và đột xuất
2	Bổ sung, hoàn thiện, triển khai, báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch Chuyển đổi số năm 2026 của cơ quan, đơn vị, địa phương gắn với các mục tiêu, chỉ tiêu nhiệm vụ Chuyển đổi số của tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Đơn vị có liên quan	- Kế hoạch chuyển đổi số năm 2026 - Báo cáo định kỳ và đột xuất	- Kế hoạch: <b>Trước 10/5/2026</b> - Báo cáo: Quý, 6 tháng, năm và đột xuất
3	Kiểm tra, giám sát của các cấp chính quyền đối với việc triển khai thực hiện các chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ chuyển đổi số của đơn vị, bộ phận trực thuộc; việc thực hiện quy định pháp luật trong thực hiện các chương trình, đề án, dự án chuyển đổi số	Ban Chỉ đạo 1287 tỉnh; Ban Chỉ đạo các sở, ngành, xã, phường	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	- Kế hoạch kiểm tra năm 2026 - Báo cáo, kết luận kiểm tra	Trước 30/11/2026

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành
4	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Công khai, minh bạch thông tin về các chương trình, chính sách hỗ trợ chuyển đổi số.</li> <li>- Minh bạch quy trình phê duyệt, quản lý, sử dụng kinh phí chi cho chuyển đổi số</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sở Tài chính</li> <li>- Sở Khoa học và Công nghệ</li> </ul>	<p>Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường</p>	<p>Thông tin công khai, tuyên truyền rộng rãi trên báo, đài và hệ thống thông tin cơ sở, mạng xã hội</p>	<p>Thường xuyên</p>
5	<p>Rà soát quy trình, hạ tầng, hệ thống, dữ liệu, nhân lực, tài chính, nhất là cấp xã; có phương án bảo đảm nguồn lực đáp ứng yêu cầu thực tiễn:</p> <p>(1) Báo cáo kết quả rà soát: Thực trạng quy trình, hạ tầng, hệ thống, dữ liệu, nhân lực, tài chính tại đơn vị, địa phương.</p> <p>(2) Báo cáo phương án bảo đảm về:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy trình.</li> <li>- Hạ tầng.</li> <li>- Hệ thống.</li> <li>- Dữ liệu.</li> <li>- Nhân lực.</li> <li>- Tài chính.</li> </ul>	<p>Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường</p>	<p>Đơn vị có liên quan</p>	<p>Báo cáo kết quả rà soát</p>	<p>Báo cáo: Quý, 6 tháng, năm và đột xuất</p>
6	<p>Kịp thời tiếp nhận, phản hồi ý kiến của tổ chức, cá nhân (người dân, doanh nghiệp, viện, trường, nhà khoa học, nhà sáng tạo...) để đo lường mức độ hài lòng đối với cơ chế, chính sách, giải pháp (thông qua Hệ thống pakn.nq57.vn và các kênh có liên quan)</p>	<p>Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường</p>	<p>Sở Khoa học và Công nghệ</p>	<p>Báo cáo kết quả thực hiện</p>	<p>Thường xuyên</p>

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành
7	Bố trí ngân sách địa phương cho KHCN, ĐMST, CDS có trọng tâm, trọng điểm, tránh trùng lặp, chồng chéo, lãng phí; ưu tiên nhiệm vụ có đồng tài trợ, có hợp đồng tiêu thụ hoặc chuyên giao; kiên quyết dừng nhiệm vụ kém hiệu quả, kéo dài, không có đầu ra.	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã phường; các đơn vị liên quan	Quyết định hoặc Báo cáo kết quả triển khai	Hàng quý
8	(1) Chủ động rà soát, điều chỉnh/hoàn thiện đăng ký kinh phí và kế hoạch vốn đảm bảo phù hợp với tình hình thực tiễn và kế hoạch hoạt động của mình trong năm 2026. (2) Triển khai thực chất và giải ngân theo đúng tiến độ công việc, không để chậm trễ, ảnh hưởng đến mục tiêu, tiến độ chung của Nghị quyết số 57-NQ/TW.	(1) Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Tài chính (2) Sở Tài chính	Các cơ quan, đơn vị, địa phương được giao quản lý, sử dụng kinh phí	Báo cáo kết quả triển khai	(1) Quý I/2026 (2) Thường xuyên
9	Theo dõi, giám sát tiến độ thực hiện phân bổ dự toán (ngân sách nhà nước lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số) của địa phương	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành; Sở Khoa học và Công nghệ; UBND cấp xã	Báo cáo kết quả	Thường xuyên
10	(1) Lập dự toán kinh phí triển khai xây dựng và duy trì nền tảng “Bình dân học vụ số; kinh phí tuyên truyền nâng cao kỹ năng số và kinh phí khác phục vụ triển khai phong trào “Bình dân học vụ số năm 2026. (2) Lập dự toán kinh phí triển khai tuyên truyền phục vụ triển khai Đề án 06 năm 2026.	(1) Sở Khoa học và Công nghệ, (2) Công an tỉnh, (3) Sở Tài chính, (4)	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã; các cơ quan, đơn vị có liên quan	- (1) (2) (3) (4): Hồ sơ dự toán kinh phí gửi Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.	- (1) (2) (3) (4): 31/5/2026 - (5): 30/6/2026

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành
	<p>(3) Lập dự toán kinh phí triển khai hỗ trợ tổ công nghệ số cộng đồng năm 2026.</p> <p>(4) Lập dự toán kinh phí triển khai mạng lưới đại sứ số, mô hình chợ số - nông thôn số năm 2026.</p> <p>(5) Căn cứ dự toán đơn vị lập, tổng hợp và tham mưu trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí triển khai xây dựng và duy trì nền tảng “Bình dân học vụ số”, kinh phí triển khai hỗ trợ tổ công nghệ số cộng đồng, mạng lưới đại sứ số, mô hình chợ số - nông thôn số, kinh phí tuyên truyền nâng cao kỹ năng số và kinh phí khác phục vụ triển khai phong trào “Bình dân học vụ số” và tuyên truyền phục vụ triển khai Đề án 06 năm 2026.</p>	<p>UBND cấp xã,</p> <p>(5) Sở Tài chính</p>		<p>- (5): Công văn báo cáo UBND tỉnh bố trí nguồn kinh phí.</p>	
<b>II</b>	<b>TUYÊN TRUYỀN, NÂNG CAO NHẬN THỨC VỀ CHUYÊN ĐỔI SỐ</b>				
1	Tham gia Cuộc thi tìm hiểu “Kiến thức số” tỉnh Sơn La năm 2026	<p>Sở Khoa học và Công nghệ;</p> <p>Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường</p>	<p>Các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong tỉnh</p>	<p>Báo cáo kết quả tham gia</p>	<p>Năm 2026 (theo thực tế triển khai)</p>

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành
2	Tuyên truyền, truyền thông các chủ trương, định hướng chuyển đổi số, chương trình, kế hoạch chuyển đổi số của tỉnh, của ngành, lĩnh vực, địa phương	Báo và Phát thanh, Truyền hình Sơn La, Trung tâm thông tin tỉnh; các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Đơn vị có liên quan	Tin, bài, phóng sự, Video clip, Infographic	Thường xuyên
3	Triển khai các hoạt động hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2026	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	- Kế hoạch triển khai - Báo cáo kết quả	- Quý III/2026 - Tháng 10/2026
4	Thúc đẩy phong trào thi đua chuyển đổi số, gắn kết cải cách hành chính với chuyển đổi số để các cơ quan, tổ chức, cán bộ công chức, người dân, doanh nghiệp nâng cao nhận thức, tích cực tham gia	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường, cơ quan, đơn vị có liên quan	Sở Nội vụ, Sở Khoa học và Công nghệ	Sáng kiến, Đề tài, mô hình... về chuyển đổi số được công nhận	Thường xuyên
<b>III</b>	<b>THẺ CHẾ, CHÍNH SÁCH SỐ</b>				

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành
1	Rà soát, bổ sung Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh; danh mục hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành (khi có thay đổi)	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành	Quyết định ban hành Danh mục	Thường xuyên (khi có thay đổi)
2	Nghiên cứu xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ Tổ công nghệ số cộng đồng phù hợp với quy định hiện hành của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật có liên quan, bảo đảm tương quan với các chế độ, chính sách hỗ trợ khác trên địa bàn tỉnh, trong khả năng cân đối ngân sách tỉnh; phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan trong quá trình nghiên cứu, đề xuất lồng ghép các nguồn kinh phí thực hiện theo quy định.	Sở Tài Chính	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Nghị quyết, Quyết định	Năm 2026
3	Nghiên cứu, đề xuất cơ chế, chính sách giảm phí, lệ phí cho người dân sử dụng thủ tục hành chính trực tuyến	Sở Tài chính	Sở Khoa học và Công nghệ; Các sở, ban, ngành	Nghị quyết	Thường xuyên (khi có thay đổi)
<b>IV</b>	<b>ĐẨY MẠNH PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG SỐ</b>				
1	Triển khai phủ sóng 4G cho 100% bản, tiểu khu, tổ dân phố, trên 44% được phủ sóng 5G	Các doanh nghiệp viễn thông	Sở Khoa học và Công nghệ; UBND các xã, phường	Báo cáo kết quả thực hiện	Thường xuyên
2	Ban hành danh mục ứng dụng, nền tảng trên Mạng truyền số liệu chuyên dùng	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành,	Thông báo Danh mục	Quý I/2026

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành
			UBND các xã, phường		
3	Xây dựng Trung tâm dữ liệu tỉnh				
3.1	Xây dựng, phát triển Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Kho dữ liệu dùng chung	Quý II/2026
3.2	Nâng cấp, tích hợp AI, phát triển Trung tâm điều hành thông minh	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Trung tâm IOC	Năm 2026
4	Tích hợp, kết nối, liên thông CSDL, dữ liệu của các ngành, lĩnh vực với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu và Kho dữ liệu của tỉnh, từng bước quản lý điều hành dựa trên dữ liệu, cung cấp dữ liệu mở cho người dân, doanh nghiệp	Các sở, ban, ngành	Sở Khoa học và Công nghệ	CSDL, dữ liệu ngành được kết nối, liên thông	Hằng tháng
5	Đầu tư nâng cấp trang thiết bị CNTT như: máy tính cá nhân, máy scan, photo, mạng LAN,... cho các cơ quan, đơn vị để đáp ứng yêu cầu công việc trên môi trường mạng. Ưu tiên nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật CNTT tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả các cấp, đáp ứng triển khai DVCTT toàn trình, số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Sở Khoa học và Công nghệ	Báo cáo kết quả đầu tư trang thiết bị	Hằng quý

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành
6	Ứng dụng giải pháp công nghệ (IoT, AI, GIS...) trong giám sát môi trường, quản lý tài nguyên, cảnh báo thiên tai. Thúc đẩy nông nghiệp thông minh, tiết kiệm năng lượng, sử dụng năng lượng tái tạo, hướng đến phát triển xanh, bền vững	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường và các đơn vị có liên quan	Báo cáo kết quả triển khai	Năm 2026
7	Triển khai tích hợp các cảm biến IoT vào các cơ sở hạ tầng truyền thống như: giao thông vận tải, năng lượng, y tế, giáo dục, trong quy hoạch và xây dựng cơ sở hạ tầng công cộng	Các sở: Xây dựng, Công thương, Y tế, Giáo dục và Đào tạo	Sở Khoa học và Công nghệ	Báo cáo kết quả triển khai	Hàng quý
8	Bố trí trụ sở, trang thiết bị đầu cuối, hạ tầng mạng, phân công lãnh đạo, nhân lực; bố trí đủ nhân sự cho việc giải quyết TTHC ở cấp xã đáp ứng yêu cầu khối lượng công việc thực tế trên địa bàn.	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Sở Khoa học và Công nghệ	Báo cáo kết quả đầu tư trang thiết bị	Quý I năm 2026
9	Trong quý I/2026, phải hoàn thành đầy đủ danh mục cơ sở dữ liệu, dữ liệu tỉnh Sơn La; dữ liệu phải được thường xuyên tập hợp, cập nhật, bổ sung bảo đảm đúng, đủ, sạch, sống, chia sẻ, liên thông.	Công an tỉnh; Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; đơn vị liên quan	Danh mục CSDL	Quý I/2026
10	Ban hành bộ trường thông tin dữ liệu gốc, dữ liệu chủ, dữ liệu tham chiếu, trong đó đảm bảo cập nhật, đồng bộ lên Hệ thống từ điển dữ liệu dùng chung	Công an tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Bộ trường thông tin được ban hành	Quý II/2026

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành
			nghệ; Các sở, ban, ngành		
11	Đăng ký, xây dựng lộ trình và phương án chuyển dịch hạ tầng về Trung tâm dữ liệu quốc gia	Công an tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ; Các sở, ban, ngành	Các đơn vị hoàn thành đăng ký hạ tầng sử dụng tại Trung tâm dữ liệu quốc gia	Quý I/2026
12	Ban hành kiến trúc dữ liệu của địa phương bám sát Khung kiến trúc dữ liệu quốc gia tại Quyết định số 2439/QĐ-TTg ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ	Công an tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ; Các sở, ban, ngành	Kiến trúc dữ liệu	Quý II/2026
<b>V</b>	<b>XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN SỐ</b>				
1	<p>Nâng cấp các hệ thống thông tin dùng chung đảm bảo nhanh hơn, mạnh hơn, phục vụ kịp thời cho hoạt động của hệ thống chính trị trên môi trường mạng, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- (1) Duy trì Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Sơn La; (2) Hệ thống Công thông tin điện tử; (3) Hệ thống thông tin báo cáo kinh tế xã hội; (4) Hệ thống thông tin phục vụ họp-eCabinet</li> <li>- (1) Cổng dữ liệu mở tỉnh; (2) Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành; (3) Hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến 2 cấp từ tỉnh đến xã</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn phòng UBND tỉnh</li> <li>- Sở Khoa học và Công nghệ</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường</li> </ul>	<p>Các hệ thống dùng chung của tỉnh được duy trì, vận hành ổn định</p>	Thường xuyên

<b>STT</b>	<b>Tên nhiệm vụ</b>	<b>Cơ quan chủ trì</b>	<b>Cơ quan phối hợp</b>	<b>Sản phẩm</b>	<b>Thời gian hoàn thành</b>
2	Ứng dụng AI xây dựng công cụ trợ lý ảo cho cán bộ, công chức, viên chức trong hoạt động công vụ	Sở Khoa học và Công nghệ	Đơn vị có liên quan	Công cụ trợ lý ảo cho cán bộ, công chức, viên chức	Quý III - quý IV/2026
3	Ứng dụng AI để khai thác hiệu quả các ứng dụng công nghệ số cho tổ chức, cá nhân	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Đơn vị có liên quan	Báo cáo kết quả triển khai	Hàng tháng
4	Đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến, phấn đấu trên 70% hồ sơ thủ tục hành chính giải quyết trực tuyến toàn trình. Tập trung thực hiện tái cấu trúc quy trình, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trên cơ sở số hóa, tái sử dụng dữ liệu, liên thông điện tử và thanh toán trực tuyến	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Sở Khoa học và Công nghệ; Văn phòng UBND tỉnh	Đạt tỷ lệ 70% trở lên hồ sơ thủ tục hành chính là hồ sơ trực tuyến toàn trình	Hàng tháng
5	Triển khai các Hệ thống thông tin, CSDL chuyên ngành				
-	Chuẩn hóa dữ liệu bản đồ và xây dựng, vận hành hệ thống quản lý, chia sẻ bản đồ số tỉnh Sơn La	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành, UBND các	Các HTTT, CSDL	Hàng tháng
-	Xây dựng CSDL đất đai				

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành
-	HTTT, CSDL khoa học và công nghệ (hạ tầng viễn thông, bưu chính, HTTT, dữ liệu mở, nhiệm vụ đề tài KHCN, sở hữu trí tuệ, sáng kiến, đổi mới sáng tạo, tiêu chuẩn đo lường chất lượng, HTTT hỗ trợ thu thập và tính toán các chỉ số chuyển đổi số tỉnh Sơn La; HTTT báo cáo ngành khoa học công nghệ ...)	Sở Khoa học và Công nghệ	xã, phường		
-	HTTT, CSDL giao thông, xây dựng	Sở Xây dựng			
-	HTTT, CSDL tư pháp	Sở Tư pháp			
-	HTTT, CSDL công thương	Sở Công thương			
-	HTTT, CSDL về quản lý đầu tư, tài chính	Sở Tài chính			
-	HTTT, CSDL về cán bộ, công chức, viên chức	Sở Nội vụ			
-	HTTT, CSDL về văn hóa, thể thao, du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch			
6	Khẩn trương triển khai thực chất, có hiệu quả Chương trình Chính phủ số (tại Quyết định số 2629/QĐ-TTg ngày 01/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ) và thực hiện chuyển đổi số trong các ngành, lĩnh vực, góp phần tăng trưởng ở mức 2 con số, có tác động lớn đến tăng trưởng, năng suất và năng lực cạnh tranh	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã; các cơ quan, đơn vị liên quan	Các hoạt động CDS thực chất được ưu tiên triển khai đổi mới với chuỗi giá trị có quy mô lớn,	Thường xuyên

<b>STT</b>	<b>Tên nhiệm vụ</b>	<b>Cơ quan chủ trì</b>	<b>Cơ quan phối hợp</b>	<b>Sản phẩm</b>	<b>Thời gian hoàn thành</b>
				khả năng lan tỏa cao	
7	Thực hiện việc số hóa, cập nhật đầy đủ, kịp thời, chính xác dữ liệu hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã		Các dữ liệu được số hóa, cập nhật đầy đủ, chính xác, kịp thời	Thường xuyên
<b>VI</b>	<b>PHÁT TRIỂN KINH TẾ SỐ</b>				
1	Triển khai các nhiệm vụ hỗ trợ hợp tác xã, nông dân ứng dụng công nghệ số, chuyển đổi số trong hoạt động sản xuất	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Đơn vị có liên quan	Các hoạt động hỗ trợ; báo cáo kết quả	Quý III, IV năm 2026
2	Hỗ trợ hợp tác xã, nông dân tham gia sàn thương mại điện tử	Sở Công thương	Sở Nông nghiệp và Môi trường; UBND các xã, phường	Các hoạt động hỗ trợ, báo cáo kết quả	Hằng quý
3	Triển khai Hệ thống truy xuất nguồn gốc, quản lý chất lượng một số sản phẩm, hàng hóa nông nghiệp chủ lực của tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Khoa học và Công nghệ	Hệ thống truy xuất nguồn gốc, quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa	Quý II/2026

<b>STT</b>	<b>Tên nhiệm vụ</b>	<b>Cơ quan chủ trì</b>	<b>Cơ quan phối hợp</b>	<b>Sản phẩm</b>	<b>Thời gian hoàn thành</b>
4	Xây dựng Nền tảng số Du lịch thông minh	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Đơn vị có liên quan	Nền tảng số Du lịch thông minh tỉnh Sơn La	Năm 2026
5	Xây dựng bảo tàng số ứng dụng công nghệ AI để khai thác, phát huy giá trị hiện vật	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Đơn vị có liên quan	Bảo tàng số tỉnh Sơn La	Năm 2026
6	Thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt, hóa đơn điện tử, nộp thuế điện tử...	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Ngân hàng Nhà nước khu vực 3; Thuế tỉnh Sơn La	Báo cáo kết quả thực hiện	Hằng quý
<b>VII</b>	<b>TỪNG BƯỚC XÂY DỰNG, HÌNH THÀNH XÃ HỘI SỐ</b>				
1	Triển khai Hệ thống học bạ số trong các trường phổ thông và Trung tâm GDTX (Tiểu học, THCS, THPT, GDTX)	Sở Giáo dục và Đào tạo	Đơn vị có liên quan	Học bạ số	Tháng 6/2026
2	Mua sắm trang bị cho phòng học thông minh (năm 2026 tập trung triển khai tại các trường cấp THPT, xây dựng dữ liệu các bài giảng điện tử)	Sở Giáo dục và Đào tạo	Đơn vị có liên quan	Phòng học thông minh, bài giảng điện tử	Quý III/2026
3	Triển khai hồ sơ Bệnh án điện tử trên địa bàn tỉnh	Sở Y tế	Đơn vị có liên quan	Bệnh án điện tử tại các bệnh viện trên địa bàn tỉnh	Năm 2026

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành
4	Tiếp tục triển khai Sổ sức khỏe điện tử phục vụ tích hợp thẻ BHYT trên ứng dụng VNeID cho toàn bộ công dân có tài khoản định danh điện tử mức 2, có tham gia BHYT khi tham gia khám chữa bệnh tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập và ngoài công lập đủ điều kiện trên địa bàn tỉnh	Sở Y tế	Đơn vị có liên quan	Sổ sức khỏe điện tử; báo cáo kết quả định kỳ	Năm 2026
5	Triển khai phòng khám trực tuyến, kết nối liên thông một số bệnh viện tuyến tỉnh với bệnh viện tuyến Trung ương	Sở Y tế	Đơn vị có liên quan	Phòng khám trực tuyến tại cấp tỉnh; báo cáo kết quả hoạt động	Năm 2026
6	Tiếp tục triển khai mô hình bệnh viện thông minh tại Bệnh viện đa khoa tỉnh theo Đề án đã được phê duyệt	Sở Y tế	Đơn vị có liên quan	Mô hình bệnh viện thông minh; báo cáo kết quả triển khai	Năm 2026
7	Đẩy mạnh triển khai cung cấp dịch vụ chữ ký số cho cá nhân, tổ chức để thúc đẩy người dân, doanh nghiệp thực hiện các thủ tục hành chính trên môi trường mạng, tiến tới sử dụng trong cả các giao dịch điện tử khác như tài chính, thương mại điện tử	UBND các xã, phường	Sở Khoa học và Công nghệ, Các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ chữ ký số công cộng;	Báo cáo của UBND xã, phường về tỷ lệ cá nhân, tổ chức trên địa bàn đã được cấp chữ ký số	Hằng quý

<b>STT</b>	<b>Tên nhiệm vụ</b>	<b>Cơ quan chủ trì</b>	<b>Cơ quan phối hợp</b>	<b>Sản phẩm</b>	<b>Thời gian hoàn thành</b>
			Tổ công nghệ số cộng đồng		
<b>VIII</b>	<b>AN TOÀN THÔNG TIN MẠNG</b>				
1	Hình thành Trung tâm An ninh mạng cấp tỉnh	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường; đơn vị có liên quan	Trung tâm An ninh mạng tỉnh Sơn La; Báo cáo kết quả triển khai, hoạt động	Tháng 05/2026 (Kế hoạch 04-KH/BCĐTW)
2	Triển khai hoạt động của đội ngũ chuyên trách ứng cứu sự cố	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường; đơn vị có liên quan	Kế hoạch; báo cáo kết quả hoạt động	Hàng tháng
3	Triển khai Kế hoạch ứng phó sự cố	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường; đơn vị có liên quan	Kế hoạch, báo cáo kết quả hoạt động	Hàng tháng

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành
4	Theo dõi, giám sát, đánh giá thường xuyên các hệ thống bảo đảm an ninh, an toàn	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường; đơn vị có liên quan	Kế hoạch, báo cáo kết quả hoạt động	Hàng tháng
5	Duy trì hệ thống Giám sát an ninh mạng (SOC) của tỉnh. Rà soát, đánh giá và củng cố lại Hệ thống giám sát an ninh mạng; giám sát, điều phối ứng phó xử lý sự cố tại địa phương.	Công an tỉnh	Các đơn vị có liên quan	Hệ thống SOC của tỉnh, báo cáo kết quả hoạt động	Tháng 12/2026
6	Duy trì và mở rộng Hệ thống phòng, chống mã độc theo mô hình quản trị tập trung	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Hệ thống phòng, chống mã độc của tỉnh, báo cáo kết quả hoạt động	Tháng 12/2026
7	Kiểm tra, tập huấn hoặc diễn tập phòng chống tấn công mạng	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường; đơn vị có liên quan	Các cuộc kiểm tra, diễn tập, báo cáo kết quả	Quý III/2026

<b>STT</b>	<b>Tên nhiệm vụ</b>	<b>Cơ quan chủ trì</b>	<b>Cơ quan phối hợp</b>	<b>Sản phẩm</b>	<b>Thời gian hoàn thành</b>
8	Chia sẻ thông tin, phối hợp theo dõi, giám sát, xử lý sự cố với các cơ quan Trung ương (Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Khoa học và Công nghệ, Ban Cơ yếu Chính phủ)	Sở Khoa học và Công nghệ, Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Kết nối với Hệ thống giám sát của Trung ương	Hàng tháng
9	(1) Quán triệt, triển khai Chỉ thị 57-CT/TW ngày 31/12/2025 của Ban Bí thư và Kế hoạch tổng thể của Ban Chỉ đạo (số 04-KH/BCĐTW ngày 05/01/2026) về bảo đảm an ninh mạng, bảo mật thông tin, an ninh dữ liệu trong hệ thống chính trị. (2) Bổ sung, điều chỉnh, lồng ghép nội dung bảo đảm an ninh mạng, bảo mật thông tin, an ninh dữ liệu vào trong các chương trình, kế hoạch, dự án chuyển đổi số.	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	(1) Hội nghị quán triệt hoặc hình thức khác phù hợp; (2) chương trình, dự án, kế hoạch	(1) Quý I/2026 (2) Thường xuyên
10	Tổ chức rà soát, đánh giá tổng thể về an ninh mạng, bảo mật thông tin và an ninh dữ liệu đối với các cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin và nguồn nhân lực.	Công an tỉnh	Các đơn vị liên quan	Báo cáo kết quả triển khai	Tháng 6/2026
11	Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị huy động mọi nguồn lực để khắc phục ngay những lỗ hổng bảo mật trong các hệ thống thông tin.	Công an tỉnh	Các đơn vị liên quan	Báo cáo kết quả triển khai	Tháng 4/2026
<b>IX</b>	<b>PHÁT TRIỂN NHÂN LỰC SỐ</b>				
1	Xây dựng Kế hoạch phát triển nguồn nhân lực số tỉnh Sơn La	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Kế hoạch; báo cáo kết quả thực hiện định kỳ	Tháng 01/2026 và năm 2026

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành
2	Thực hiện công tác bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng về chuyển đổi số, chính quyền số, kinh tế số, an toàn thông tin cho cán bộ công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan, đơn vị, địa phương. Tổ chức phổ cập kỹ năng số cho người dân, doanh nghiệp	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Sở Khoa học và Công nghệ	Báo cáo kết quả triển khai	Tháng 11/2026
3	Bảo đảm nhân lực chuyên trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số theo quy định của pháp luật; thực hiện bồi dưỡng, cập nhật kiến thức KHCCN, ĐMST, kỹ năng, công nghệ số cơ bản cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động gắn với vị trí việc làm và đa ngôn ngữ (dân tộc thiểu số); củng cố mô hình vận hành và điều kiện bảo đảm hoạt động của Trung tâm phục vụ hành chính công và bộ phận một cửa các cấp, đáp ứng yêu cầu phục vụ liên tục, thông suốt, không gián đoạn trong môi trường số.	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã		Báo cáo kết quả triển khai	Thường xuyên
<b>X</b>	<b>HỢP TÁC, LIÊN KẾT VÙNG, QUỐC TẾ</b>				
1	Tổ chức hội nghị, hội thảo kết nối về chuyển đổi số. Mời chuyên gia có kinh nghiệm thực tế về chuyển đổi số tham gia chia sẻ, trao đổi	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Đơn vị có liên quan	Hội nghị, hội thảo, tọa đàm...	Hằng quý
2	Tham gia diễn đàn, hội thảo, hợp tác, học tập kinh nghiệm chuyển đổi số với các địa phương	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Đơn vị có liên quan	Báo cáo kết quả tham gia	Hằng quý

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành
3	Tham gia các diễn đàn, học tập kinh nghiệm của các tổ chức quốc tế về chuyển đổi số	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Báo cáo kết quả tham gia	Hàng quý